

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YT
TỈNH BG**

Bản án số: **03/2021/DS-ST**
Ngày: 20/01/2021
*"V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản"*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YT, TỈNH BG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Chiến.

2. Bà Nguyễn Thị Cương.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01a/2021/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nông Thị T** - Sinh năm 1976. (Có mặt)

Trú quán: Bản TL, xã TT, huyện Yên Thế, tỉnh BG.

* Bị đơn: Anh **Mông Văn H** - Sinh tháng 6/1961. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Chị **Quan Thị B** - Sinh năm 1967. Có mặt

Đều trú tại: Bản TL, xã TT, huyện Yên Thế, Tỉnh BG.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Nông Văn C** - Sinh năm 1969. (Anh C ủy quyền cho chị T).

Trú quán: Bản TL, xã TT, huyện Yên Thế, Tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2020, bản tự khai ngày 03/12/2020 những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn chị Nông Thị T, Lời khai của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và trong quá trình xét xử nội dung vụ án như sau:

Gia đình chị Nông Thị T làm nghề buôn bán cám thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm ở bản TL, xã TT, huyện Yên Thế, tỉnh BG. Giữa gia đình chị T và vợ chồng anh Mông Văn H, chị Quan Thị B có sự quen biết nhau. Do vậy vào năm 2010 vợ chồng anh Mông Văn H có đến nhà chị T đặt vấn đề mua cám chịu để về chăn nuôi gà, lợn, chị T đã đồng ý. Cụ thể từ ngày 10/5/2010 chị Bay có đến gia đình chị T mua cám nhiều lần, khi mua có lần thanh toán trả ngay nhưng cũng có lần nợ lại và chị T đã ghi lại vào sổ để theo dõi. Đến năm 2019 thì hai bên có chốt sổ với nhau. Theo đó vợ chồng anh Mông Văn H còn nợ chị T số tiền 66.981.000 đồng và có lập giấy chốt nợ đề ngày 10/5/2019, giấy chốt nợ có chữ ký của chị Quan Thị B. Số nợ trên chị T đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh Hảo vẫn chưa trả. Nay chị yêu cầu vợ chồng anh Mông Văn H, chị Quan Thị B phải trả cho chị số tiền còn nợ là 66.981.000 đồng và tiền lãi là 0,83%/tháng tính từ ngày 10/5/2019 đến nay là 9.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc và tiền lãi chị T yêu cầu là 75.981.000 đồng.

Bị đơn anh Mông Văn H và chị Quan Thị B thừa nhận có việc mua nợ tiền cám thức ăn chăn nuôi của chị Nông Thị T và còn nợ tiền cám chị Nông Thị T tổng số tiền là 66.981.000 đồng. Nay chị T khởi kiện đòi số tiền cả gốc và lãi là 75.981.000 đồng, anh chị đồng ý trả số tiền trên nhưng vì hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn nên xin trả dần số tiền trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nông Văn C trình bày: Anh là chồng chị Nông Thị T, anh có được biết hiện nay vợ chồng anh Mông Văn H còn nợ vợ chồng anh tổng số tiền cám cả gốc và lãi là 75.981.000 đồng. Nay vợ anh khởi kiện đòi nợ đối với vợ chồng anh Hảo, anh đồng ý với toàn bộ nội dung khởi kiện của vợ là chị Nông Thị T. Anh ủy quyền toàn bộ cho vợ anh tham gia giải quyết vụ kiện tại Tòa án.

Tại phiên tòa chị Nông Thị T vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Hảo, chị Bay phải trả cho chị số tiền còn nợ là 66.981.000 đồng. Đối với số tiền lãi, chị yêu cầu vợ chồng anh Hảo phải trả cho chị số tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 10/5/2019. Tổng số tiền lãi là 9.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 75.981.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, Điều 71, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã không chấp hành đúng các quy định về

quyền và nghĩa vụ của mình được qui định tại các điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị T.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 207; Điều 271; Điều 273; Điều 144, 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Buộc vợ chồng anh Mông Văn H và chị Quan Thị B phải trả cho vợ chồng chị Nông Thị T số tiền gốc là 66.981.000 đồng và tiền lãi là 9.000.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 75.981.000 đồng.

Anh Mông Văn H và chị Quan Thị B phải chịu 3.799.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nông Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Thế giải quyết về quan hệ đòi nợ với anh Mông Văn H và chị Quan Thị B. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa anh Mông Văn H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hảo.

[2] Đối với yêu cầu đòi nợ của chị Nông Thị T: Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận mua bán hàng hóa cụ thể là mua bán thức ăn chăn nuôi giữa chị Nông Thị T và vợ chồng anh Mông Văn H và chị Quan Thị B là đúng sự thật. Hai bên có thỏa thuận: Chị T cung cấp toàn bộ thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng anh Hảo để chăn nuôi. Trong mỗi lần giao hàng thì có lần trả tiền ngay có lần thì nợ lại, những lần nợ lại đều ký vào sổ nợ. Sau khi kết thúc việc mua bán, vợ chồng anh Hảo không trả được nợ cho chị T, hai bên có cùng nhau chốt sổ và ký nhận nợ. Đến nay chị Nông Thị T yêu cầu vợ chồng anh Mông Văn H phải trả số tiền còn nợ là 66.981.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ kiện, anh Hảo và chị Bay đều thừa nhận còn nợ chị T toàn bộ số tiền như trên và xin trả dần. Vì vậy yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc của chị Nông Thị T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi của khoản tiền nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nông Thị T yêu cầu vợ chồng anh Mông Văn H và chị Quan Thị B phải trả

số tiền lãi là 0,83%/tháng từ số tiền còn nợ là 66.981.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, chị Nông Thị T yêu cầu anh Hảo, chị Bay phải trả số tiền lãi 0,83%/tháng, tính từ ngày 10/5/2019 đến nay. Tổng số tiền lãi mà vợ chồng anh Hảo phải trả là 9.000.000 đồng. Đối với yêu cầu này của chị T, anh Hảo, chị Bay đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của thị T. Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu tính lãi của chị Nông Thị T là có căn cứ vì số tiền lãi mà chị T yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật và số tiền này vợ chồng anh Hảo cũng đồng ý trả theo yêu cầu của chị T. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi cho chị Nông Thị T cần buộc vợ chồng anh Hảo phải trả tiền lãi theo yêu cầu của chị T là có căn cứ.

Vì vậy cần buộc vợ chồng anh Mông Văn H và chị Quan Thị B phải trả cho vợ chồng chị Nông Thị T số tiền nợ gốc là 66.981.000 đồng và tiền lãi là 9.000.000 đồng là phù hợp với các Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị T được chấp nhận được chấp nhận do vậy anh Hảo, chị Bay phải chịu phần án phí dân sự sơ thẩm của khoản tiền này. Trả lại cho chị Nông Thị T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

** Vì các lẽ trên.*

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự. Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 5; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị T. Buộc vợ chồng anh Mông Văn H và chị Quan Thị B phải trả cho vợ chồng chị Nông Thị T số tiền gốc là 66.981.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu chín trăm tám một ngàn đồng) và tiền lãi là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng). Tổng cả gốc và lãi là 75.981.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu chín trăm tám một ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Anh Mông Văn H và chị Quan Thị B phải chịu 3.799.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Nông Thị T số tiền 1.675.000 đồng là tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0004557 ngày 02/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh BG
- Viện kiểm ND tỉnh BG;
- Viện kiểm sát ND huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện Yên Thế.
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Việt Hùng